

Số: 1073/YCBG-BVCTĐT
V/v yêu cầu báo giá thiết bị y tế

Cao Lãnh, ngày 26 tháng 10 năm 2026

Kính gửi: Các Hãng sản xuất, Nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá, làm căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị y tế cho Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp năm 2026, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp, địa chỉ: Số 78, đường 30/4, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá: Theo quy định tại Nghị định 349/2026/NĐ-CP ngày 09/09/2026.

3. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ thời điểm đăng tải thông tin đến trước 17h00 phút ngày 06 tháng 11 năm 2026.

Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 06 tháng 11 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục: Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

-Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hoá phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải đảm bảo việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

2. Địa điểm cung cấp: Tại Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp (Số 78, Đường 30/4, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).

3. Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí có liên quan.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

5. Loại hợp đồng: Trọn gói.

6. Thời hạn thanh toán: Theo thỏa thuận hợp đồng.

7. Các thông tin khác (nếu có):

-Mẫu báo giá vui lòng làm đúng theo mẫu đính kèm.

Bệnh viện Y học cổ truyền Đồng Tháp kính mời Quý công ty, đơn vị quan tâm và vui lòng gửi báo giá trong thời gian nêu trên.

Trân trọng ./.

*Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KHTH-CNTT (Đăng muasamcong và website b/viện);
- Lưu: VT, P.VT-TBYT.

GIÁM ĐỐC



Võ Thị Xuân Uyên

MẪU BÁO GIÁ
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Y học Cổ truyền Đồng Tháp

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Y học Cổ truyền Đồng Tháp, chúng tôi.....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục thiết bị y tế	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1	Hàng hoá A											
2	Hàng hoá B											
1)												
	Tổng cộng:											
Số tiền bằng chữ:.....												

(Giữ kèm các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế, vật tư, linh kiện, phụ kiện.....).

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày 06 tháng 11 năm 2026.

3. Chúng tôi cam kết:

-Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

-Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

-Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

4. Thông tin liên hệ của đơn vị báo giá: [Ghi rõ thông tin, đơn vị, người phụ trách báo giá]

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của nhà sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC:

YÊU CẦU VỀ DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA THIẾT BỊ

(Kèm theo Công văn số 1033 /YCBG-BVCTDT ngày 26 tháng 10 năm 2026)

STT	Tên thiết bị/Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
01	MÁY ĐIỆN TIM	Cái	01	
I	Yêu cầu chung -Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở đi, mới 100% chưa qua sử dụng. -Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. -Đáp ứng tiêu chuẩn IEC60601-2-25 hoặc tiêu chuẩn tương đương đối với thiết bị điện tâm đồ. -Điện nguồn sử dụng: 220V $\pm$ 10%, 50/60 Hz, phù hợp với tiêu chuẩn điện lưới tại Việt Nam -Điều kiện hoạt động về nhiệt độ, độ ẩm: phù hợp với môi trường, khí hậu tại Việt Nam. -Thiết bị đáp ứng các yêu cầu về an toàn điện và các quy định hiện hành đối với trang thiết bị y tế.			
II	Yêu cầu về cấu hình Máy chỉnh kèm dây nguồn với màn hình màu TFT/LCD hoặc tương đương, kích thước $\geq$ 5 inch tích hợp 1 cổng LAN, 2 cổng USB và phụ kiện chuẩn đi kèm: -01 bộ chuyển đổi nguồn (AC adaptor) -01 dây điện tim -06 điện cực hút ở ngực bằng nôm cao su -04 điện cực kẹp chi -01 cuộn giấy ghi theo máy -01 bút lau đầu máy ghi nhiệt -01 pin sạc -01 đĩa CD tài liệu kỹ thuật, 01 đĩa hướng dẫn đọc kết quả điện tim ECAPS 12C -01 bộ sách hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/tiếng Việt			

III	Chỉ tiêu kỹ thuật *Tính năng: -Máy điện tim ≥ 3 kênh kèm phần mềm phân tích kết quả điện tim ECAPS 12C cho một lúc 12 đạo trình và phân tích khoảng 200 lối điện tim và theo 5 phân loại đánh giá bao gồm cả phân tích được sóng điện tim Brugada . -Máy có màn hình TFT/LCD màu hoặc tương đương, kích thước ≥ 5 inch giúp quan sát 12 đạo trình điện tim cùng lúc, tin nhắn cảnh báo và chức năng hướng dẫn giúp người sử dụng kiểm tra nguyên nhân gây ra lối khi đo -Có thể lưu được ≥ 3 phút gần nhất toàn bộ các đạo trình ECG vào bộ nhớ trong, và có thể lựa chọn một phần để in và phân tích. -Ưu tiên máy có kích thước nhỏ gọn, cơ động, phù hợp sử dụng tại cơ sở khám chữa bệnh -Thời gian hoạt động của pin ≥ 150 phút trong điều kiện sử dụng tiêu chuẩn của nhà sản xuất. -Có thể sử dụng thẻ nhớ USB làm bộ nhớ ngoài. -Thông tin bệnh nhân có thể được nhận từ server bên ngoài. Có thể xuất báo cáo trong DICOM hoặc định dạng PDF với khả năng tích hợp dữ liệu với nhiều hệ thống quản lý dữ liệu. -Máy xuất dữ liệu qua mạng dây LAN hoặc qua mô-đun mạng không dây (option) -Máy sử dụng thẻ nhớ USB hoặc thẻ nhớ SD (option) làm bộ nhớ ngoài. -Có phần mềm tích hợp cho máy xuất báo cáo kết quả điện tim ở định dạng DICOM và chuyển dữ liệu vào hệ thống PACS của bệnh viện , hoặc file PDF để xuất vào phần mềm quản lý bệnh viện 1. Hiện thị: -Số kênh ghi: ≥ 3 kênh -Màn hình: Màn hình màu TFT/LCD, kích thước ≥ 5 inch -Độ phân giải: $\geq 800 \times 480$ pixel hoặc tương đương -Dạng sóng điện tim: ít nhất 12 chuyển đạo -Dữ liệu hiển thị: hiển thị dạng sóng ECG, thông tin bệnh nhân, nhịp tim, trạng thái điện cực và các thông số ghi. 2. ECG đầu vào: -Trở kháng đầu vào: $\geq 50M\Omega$ hoặc tương đương -Hệ số lọc nhiễu: $\geq 100dB$ hoặc tương đương -Điện áp bù: $\pm \geq 500mV$ -Tần số đáp ứng: Từ $\leq 0.05Hz$ đến $\geq 150Hz$		
-----	---	--	--

	-Tốc độ thu nhập mẫu: $\geq 8.000/\text{giây}$ -Nhiều trong: $\leq 20\mu\text{Vp-v}$ -Tính năng bảo vệ ngõ vào: có chức năng bảo vệ chống sốc điện. 3. Xử lý tín hiệu: -Bộ chuyển đổi A/D (chuyển đổi sang dạng số): ≥ 32 bit -Tần số lấy mẫu : ≥ 500 mẫu/giây hoặc tương đương. -Bộ lọc nhiễu điện lưới AC: 50/60 Hz -Hàng số thời gian: ≥ 3.2 giây. -Bộ lọc nhiễu điện cơ: có ≥ 2 mức lọc -Bộ lọc chống trôi: có -Độ nhạy: có ≥ 3 mức -Chức năng phát hiện tạo nhịp: có sẵn 4. Máy ghi -Số kênh: ≥ 3 kênh -Tốc độ giấy: ≥ 2 mức lựa chọn (25; 50 mm/giây) -Chức năng ghi mờ rộng: có -Ghi đạo trình nhịp: ≥ 1 kênh -Thời gian ghi: ≥ 24 giây 5. Phân tích điện tim -Phân tích điện tim 12 đạo trình: có -Độ tuổi phân tích: từ trẻ sơ sinh đến người lớn -Mức tìm ra kết quả điện tim: ≥ 200 mục. 6. Các tính năng khác: -Lưu trữ: ≥ 20 file ECG -Có khả năng kết nối và truyền dữ liệu qua máy tính: có -Có phần mềm tích hợp cho máy xuất báo cáo kết quả điện tim ở định dạng DICOM và chuyển dữ liệu vào hệ thống PACS của bệnh viện, hoặc file PDF để xuất vào phần mềm quản lý bệnh viện. -Pin sạc lại được, có thời gian hoạt động: ≥ 150 phút -Giấy ghi loại thông thường: độ rộng khoảng 63mm hoặc khổ giấy tương đương phù hợp với máy. -Cổng giao diện: có tối thiểu ≥ 2 cổng USB, cổng mạng LAN		
IV	Yêu cầu khác		

	-Thời gian giao hàng: ≤ 60 ngày kể ngày ký hợp đồng. -Giao hàng, lắp đặt, chạy thử, bàn giao, hướng dẫn vận hành tại nơi sử dụng. -Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu đưa vào sử dụng hoặc theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng không nhỏ hơn 12 tháng. -Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: Theo quy định của nhà sản xuất. -Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ khi nhận được thông báo của đơn vị sử dụng. -Linh kiện, phụ tùng thay thế chính hãng cam kết cung cấp tối thiểu 05 năm sau thời gian bảo hành.			
02	MÁY TRUNG TÀN	Cái	04	
I	Yêu cầu chung -Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở đi, mới 100% chưa qua sử dụng. -Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. -Điện nguồn sử dụng: $220V \pm 10\%$, 50/60 Hz, phù hợp với tiêu chuẩn điện lưới tại Việt Nam. -Điều kiện hoạt động về nhiệt độ, độ ẩm: phù hợp với môi trường, khí hậu tại Việt Nam. -Thiết bị đáp ứng các yêu cầu về an toàn điện và các quy định hiện hành đối với trang thiết bị y tế			
II	Yêu cầu về cấu hình -Thân máy chính: 01 chiếc -Dây nguồn: 01 dây -Tấm điện cực: 02 đôi -Túi nhúng bọc điện cực: 02 cái -Dây đai: 01 bộ -Cầu chì: 02 chiếc -Hướng dẫn sử dụng tiếng Việt: 01 bộ			
III	Chỉ tiêu kỹ thuật -Công suất: $\geq 60VA$ -Màn hình hiển thị: kỹ thuật số hoặc tương đương -Đầu ra: Tần số trung tần một kênh cộng với đầu ra điện nhiệt			

	-Tần số sóng trung tần là 2kHz ~ 10kHz và dung sai tần số đơn là $\pm 10\%$; -Tần số điều biến là 0 ~ 150Hz và dung sai tần số đơn là $\pm 10\%$ hoặc $\pm 1\text{Hz}$, tùy theo giá trị nào lớn hơn -Dạng sóng trung tần: Sóng vuông hai chiều, dạng sóng biến điệu bao gồm sóng hình sin, sóng vuông, sóng tam giác, sóng hàm số mũ, sóng răng cưa, sóng nhọn và sóng có biên độ bằng nhau. -Chế độ điều biến: Liên tục, không liên tục, chuyển đổi tần số, điều biến dày đặc và xen kẽ -Độ rộng xung: 50us ~ 250us, dung sai $\pm 10\%$ -Phạm vi điều chế sóng trung tần: 0%, 25%, 50%, 75%, 100%, dung sai $\pm 5\%$ -Có ≥ 35 phác đồ điều trị cố định, được các bác sĩ vật lý trị liệu biên soạn theo các bệnh khác nhau, bác sĩ có thể dùng để tham khảo. -Dòng điện đầu ra trung tần: $\leq 500\Omega$, dòng điện đầu ra của mỗi kênh không quá $\leq 100\text{mA}$. Cường độ đầu ra có thể điều chỉnh từ 0 đến 99 cấp độ -Độ ổn định dòng điện đầu ra: Tốc độ thay đổi dòng điện đầu ra dưới các tải khác nhau không lớn hơn 10% -Điện áp cực đại đầu ra trung tần: Khi được đo trong điều kiện mạch hở, điện áp cực đại đầu ra trung tần không vượt quá 500V -Hoạt động: Khi đầu ra được đặt ở giá trị tối đa, chạy đầu ra mở trong 10 phút rồi làm ngắn mạch trong 5 phút và thiết bị trị liệu sẽ hoạt động bình thường -Nhiệt độ tấm điện cực: $38^{\circ}\text{C} \sim 55^{\circ}\text{C}$, có thể điều chỉnh theo 6 cấp độ, dung sai $\pm 3^{\circ}\text{C}$ -Cài đặt thời gian điều trị theo phác đồ điều trị trong suốt thời gian trị liệu, sẽ có âm thanh nhắc nhở và dừng đầu ra khi trị liệu kết thúc. Dung sai thời gian là ± 1 phút. -Ưu tiên máy có kích thước nhỏ gọn, cơ động, phù hợp sử dụng tại cơ sở khám chữa bệnh			
IV	Yêu cầu khác -Thời gian giao hàng: ≤ 60 ngày kể ngày ký hợp đồng. -Giao hàng, lắp đặt, chạy thử, bàn giao, hướng dẫn vận hành tại nơi sử dụng. -Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu đưa vào sử dụng hoặc theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng không nhỏ hơn 12 tháng. -Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: Theo quy định của nhà sản xuất. -Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ khi nhận được thông báo của đơn vị sử dụng. -Linh kiện, phụ tùng thay thế chính hãng cam kết cung cấp tối thiểu 05 năm sau thời			

	gian bảo hành.			
03	MÁY XUNG ĐIỆN TRI LIỆU 02 KÊNH	Cái	01	
I	<u>Yêu cầu chung</u> -Thiết bị mới 100%, sản xuất từ năm 2025 trở đi, mới 100% chưa qua sử dụng. -Nhà sản xuất phải đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. -Điện nguồn sử dụng: 220V ± 10%, 50/60 Hz, phù hợp với tiêu chuẩn điện lưới tại Việt Nam -Điều kiện hoạt động về nhiệt độ, độ ẩm: phù hợp với môi trường, khí hậu tại Việt Nam. -Thiết bị đáp ứng các yêu cầu về an toàn điện và các quy định hiện hành đối với trang thiết bị y tế			
II	<u>Yêu cầu về cấu hình</u> - Máy chính: 01 Chiếc - Dây nguồn: 01 Cái - Cáp kích thích điện: 02 Cái - Điện cực cao su chì: 08 Cái - Miếng đệm lót điện cực : 08 Cái - Dây co giãn ≥ 50 cm: 02 Cái - Dây co giãn ≥ 100 cm: 02 Cái - Cáp phân chia: 02 Cái - Cáp cảm ≥ 2mm: 02 Cái - Đầu phát siêu âm 1MHz/ ≥ 5 cm2: 01 cái - Tuýp gel ≥ 260 gr: 01 lọ - Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt: 01 Bộ			
III	<u>Chỉ tiêu kỹ thuật</u> - Thiết bị có khả năng kích thích độc lập ≥ 2 kênh và có thể điều chỉnh cường độ cho điều trị với tần số trung bình và tần số thấp. Thiết bị sóng siêu âm hoạt động tần số ≥ 1MHz. Sự vận hành sóng siêu âm độc lập hoặc kết hợp với 1 trong 2 kênh kích thích. - Đầu ra liên tục có công suất định ≥ 2W/cm2 - Đầu ra xung có công suất định ≥ 3W/cm2			

	- Có chương trình cài đặt sẵn bệnh lý thường gặp. - Có báo hiệu không tiếp xúc bằng âm thanh hoặc hình ảnh. - Màn hình LCD hoặc tương đương (hiển thị đầy đủ các thông số điều trị). - Thuận lợi kết nối thiết bị siêu âm với 1 kênh kích thích điện cho điều trị kết hợp. - ≥ 11 chế độ kích thích (11 loại dòng điện). - Các giao thức điều trị đơn giản hoặc kết hợp được cài đặt sẵn. - Các giao thức cho người sử dụng cho từng ≥ 11 chế độ phát. - Khả năng dùng các chương trình chuỗi cùng ≥ 1 chế độ kích thích. - Có cơ sở dữ liệu bệnh nhân. - Khả năng lưu và sửa đổi các chương trình và chuỗi chương trình. *Thông số kỹ thuật: - Công suất tiêu thụ: $\leq 80VA$ - Tiêu chuẩn an toàn: I- loại BF hoặc tương đương - Ưu tiên thiết kế gọn, cơ động, phù hợp sử dụng tại cơ sở khám chữa bệnh - Tần số siêu âm: $\geq 1MHz$ - Số đầu phát: ≥ 1 - Tần số xung: $\geq 100Hz$ - Chế độ phát: Xung và liên tục hoặc nhiều hơn - Cường độ: Liên tục $0 \div \geq 2W/cm^2$, xung $0 \div \geq 3W/cm^2$ - Đầu phát: $1MHz, \geq 5cm^2$, có đèn chỉ thị không tiếp xúc, phù hợp điều trị dưới nước - Thời gian điều trị: $0 \div \geq 30$ phút - Các chế độ kích thích +TENS: Dòng điều trị với rất nhiều chương trình thường trú cho hầu hết các bệnh lý phổ biến với tần số: $2 \div \leq 200$ Hz. Thời gian xung: $50 \div \leq 600$ μs. Cường độ: $0 \div \leq 250$ mA (Ipp). + MUSCLE: Các xung ≥ 2 chiều đối xứng. Đặc trưng có 1 tập tin với 1 số chương trình dành cho sự điều trị ở các điều kiện khác nhau của cơ. Tần số: $2 \div \leq 200$ Hz. Thời gian: $50 \div \leq 600$ μs. Cường độ: $0 \div \leq 250$ mA (Ipp). + BIOPOLAR INTERFERENTIAL CURRENT: dòng điện 2 chiều có sóng vuông góc đã được điều chỉnh biên độ. Tần số sóng vuông góc: 4000 Hz. ($\pm 20\%$). Tần số sin của sự điều chỉnh: $5 \div \leq 200$ Hz. Cường độ: $0 \div \leq 250$ mA (Ipp).		
--	--	--	--

ĐỒNG

	+ TETRAPOLAR VECTOR: Dòng điện 2 chiều đã được điều chỉnh biên độ. Tần số sóng vuông góc 4000Hz. Tần số sin của sự điều chỉnh $5 \div \leq 200\text{Hz}$, Cường độ $0 \div \leq 250 \text{mA (Ipp)}$. + KOTZ: Dòng điện hình sin không liên tục. Tần số sin: $1000 \div \leq 2500 \text{Hz}$. Tần số điều chỉnh: $5 \div \leq 200 \text{Hz}$. Cường độ: $0 \div \leq 250 \text{mA (Ipp)}$. + FARADIC CURRENT: Các xung 1 chiều. Tần số: $1 \div \leq 100 \text{Hz}$. Cường độ: $0 \div \leq 130 \text{mA (Ip)}$. + IONTOPHORESIS: Dòng điện 1 chiều không liên tục. Tần số $\geq 8000\text{Hz}$, chu kì: 95%, Cường độ: $0 \div \leq 30 \text{mA (Ip)}$. + DIADYNAMIC CURRENTS: 1 pha (MF), 2 pha (DF), chu kì ngắn (CP), chu kì dài (LP). Cường độ: $0 \div \leq 30\text{mA (Ip)}$. + PULSES: Các xung 1 chiều vuông góc và có dạng hình tam giác. Thời gian: $1 \div \leq 1000 \text{ms}$. Dừng: $1 \div 5 \text{s}$. Cường độ: $0 \div \leq 30 \text{mA}$. + TRAEBERT: Dòng điện 1 chiều, vuông góc. Thời gian xung: 2ms. Dừng: 5ms. Cường độ: $0 \div \leq 30 \text{mA (Ip)}$. + UROLOGY: Các xung 2 chiều đối xứng. Tần số: $2 \div \leq 200 \text{Hz}$. Thời gian rung động: $50 \div \leq 600 \mu\text{s}$. Dòng điện lớn nhất: $\leq 250 \text{mA (Ipp)}$. Đặc điểm đầu ra: điện áp không đổi (CV).		
IV	<u>Yêu cầu khác</u> - Thời gian giao hàng: ≤ 60 ngày kể ngày ký hợp đồng. - Giao hàng, lắp đặt, chạy thử, bàn giao, hướng dẫn vận hành tại nơi sử dụng. - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu đưa vào sử dụng hoặc theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng không nhỏ hơn 12 tháng. - Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: Theo quy định của nhà sản xuất. - Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất, nhà thầu có khả năng đáp ứng trong vòng: ≤ 48 giờ khi nhận được thông báo của đơn vị sử dụng. - Linh kiện, phụ tùng thay thế chính hãng cam kết cung cấp tối thiểu 05 năm sau thời gian bảo hành.		